

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN
ÂN THI TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2021/HNGĐ -ST

Ngày 11/6/2021

"V/v ly hôn và nuôi con C"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ÂN THI - TỈNH HƯNG YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đồng Dực

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Bình - Cán bộ nghỉ hưu

Bà Nguyễn Thị Nga - Chủ tịch hội LHPN huyện

-Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ái - Thư ký TAND huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên

- Đại diện VKSND huyện Ân Thi tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đức Sam - Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 6 năm 2021, Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ân Thi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 78/2021/TLST - HNGĐ ngày 19/3/2021 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2021/QĐXX- HNGĐ ngày 06/5/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2021/QĐST-HNGĐ ngày 25/5/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị L, sinh năm 1991 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Người có QLVN liên quan:

1. Cháu Nguyễn Thị Ánh N, sinh ngày 03/7/2010

2. Cháu Nguyễn Trường G, sinh ngày 22/4/2012

Người đại diện hợp pháp của các cháu: Chị L – mẹ đẻ của các cháu

Đều trú tại: A KH, B S, Ân Thi, Hưng Yên

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 07/3/2021 và lời khai của chị L trình bày chị và anh C tự quen biết nhau, sau một thời gian tìm hiểu thống nhất về báo cáo hai gia đình, hai gia đình nói chuyện và tổ chức cưới cho anh, chị, anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bắc Sơn vào ngày 10/02/2009. Sau khi cưới chị về ngay gia đình anh C C sống. Năm 2016, vợ chồng mâu thuẫn nguyên nhân một phần vợ chồng thay đổi cách sống, cách nghĩ, anh C mãi chơi không chịu làm ăn, không quan tâm gì đến mẹ con chị, chị và gia đình khuyên nhưng anh C không nghe, thời gian này chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở, sau đó gia đình chồng đến nói chuyện, chị nghĩ vì các con nên tiếp tục về C sống với anh C, một thời gian vợ chồng lại mâu thuẫn là do mẹ chồng chị đi xem thì bảo chị cần số nặng, đêm đến chị thường xuyên bỏ đi, gia đình lo lắng, mời thầy cúng về, anh C nhốt chị ở trong nhà không cho chị ra ngoài, đêm anh C ngủ say, chị mở cửa bỏ đi và vợ chồng chị sống ly thân nhau từ năm 2018 cho đến nay. Nay chị xác định

tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống C không thể kéo dài nên chị làm đơn xin ly hôn anh C.

Về con C: Có 02 con C. Hiện nay con C đang ở với anh C

Về tài sản C, công sức, công nợ: Không đề nghị Tòa giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của anh C trình bày: Anh và chị L tìm hiểu nhau khoảng 2 tháng thì tiến tới hôn nhân, gia đình nói chuyện và tổ chức cưới cho anh chị vào tháng 02/2009, anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bắc Sơn. Sau khi thành vợ chồng, chị L về ngay gia đình anh C sống, quá trình C sống anh chị có cãi nhau nhưng theo anh chưa đến mức trầm trọng, chị L bỏ nhà anh đi khoảng 8 lần, vì chị L thường xuyên đi đêm, chị L bỏ đi nhiều lần anh không biết vì anh đi làm xa. Khi anh trở về thì chị L như điên như dại bỏ đi đêm nên anh có khóa cửa không cho chị L đi nữa. Năm 2018, vợ chồng cãi nhau chị L bỏ đi, không về nhà anh ở nữa. Nay chị L xin ly hôn anh đồng ý ly hôn vì anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống C không thể kéo dài.

Tại biên bản lấy lời khai của bà Phạm Thị Bón (mẹ đẻ của anh C) trình bày: Bà xây dựng vợ chồng cho chị L, anh C vào năm 2009, anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bắc Sơn. Sau khi thành vợ chồng chị L về ngay gia đình bà C sống. Khoảng 2 tháng sau thì anh chị ra ở riêng. Quá trình C sống anh chị C sống có mâu thuẫn hay không bà không rõ, bà không thấy anh chị có cãi nhau, tuy nhiên chị L ở nhà bà đã bỏ đi 8 lần, lý do là chị L đi làm công ty có quan hệ lãng nhăng với người đàn ông khác, anh C biết ra công ty thì người công ty nói dối là chị L vừa bị ngất phải đi cấp cứu, sau đó chị L đi một thời gian lại về, một thời gian lại bỏ đi, gia đình bà và anh C đã mở phủ để cho chị L không đi nhưng không được, lần bỏ đi gần đây nhất là năm 2017, chị L đi không về nhà bà nữa. Nay chị L xin ly hôn bà mong muốn anh chị về ở với nhau, còn anh chị có ở được với nhau hay không là quyền của anh chị.

Về con C: Anh C, chị L có 02 con C là Nguyễn Thị Ánh N, SN 2010 và Nguyễn Trường G, SN 2012. Hiện nay con C của anh chị đang ở với anh C và ông bà nội.

Về tài sản C, công sức, công nợ: Không có gì.

Lời khai ông Nguyễn Văn Viên (bố đẻ anh C) trình bày: Ông là bố đẻ của C, có lần C nhốt L ở trong nhà, thời điểm đó hai vợ chồng cãi nhau vào năm 2017, từ khi L ra được thì bỏ đi, không về nhà ông nữa. Nay chị L xin ly hôn anh C, anh C đã xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể C sống với nhau được nữa.

Tại biên bản xác minh với UBND xã Bắc Sơn: Chị L, anh C là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bắc Sơn vào ngày 10/02/2009 tại số 26. Quá trình sinh sống vợ chồng chị L, anh C có thời gian C sống hạnh phúc và có 02 con C. Qua phản ánh của chính quyền thôn An Khải thì vợ chồng anh C không C sống với nhau từ năm 2018 đến nay, nguyên nhân là do chị L căn sổ thường xuyên bỏ nhà đi, mặt khác anh C không hiểu rõ có hành động nhốt chị L trong nhà sợ đi lại lung tung hoặc lại bỏ đi. Vì vậy anh C, chị L mới cãi nhau.

Về con C: Anh C, chị L có 2 con C là Nguyễn Thị Ánh N, sinh ngày 03/7/2010 và Nguyễn Trường G, sinh ngày 22/4/2012.

Về tài sản C, công sức, công nợ: UBND xã không nắm được

Tại phiên tòa ngày 25/5/2021: Chị L có mặt, anh C vắng mặt lần thứ nhất. Căn cứ khoản 1 Điều 227 của BLTTDS, HĐXX quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa ngày 11/6/2021: Chị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt vì công việc không thể xin nghỉ được, anh C vắng mặt lần thứ 2. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 228 của BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

*** Ý kiến và quan điểm của đại diện VKSND huyện tham gia phiên tòa:**

+ Về chấp hành pháp luật tố tụng:

- Trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán, thư ký chấp hành đúng quy định tại điều 48; 51 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Nguyên đơn: Đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Bị đơn: Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do vi phạm khoản 15, 16 Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 73, Điều 78 BLTTDS.

Ngày 31/5/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ân Thi đã có Công văn số 01 đề nghị Toà án nhân dân huyện Ân Thi chuyển hồ sơ, tài liệu đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ân Thi để xác minh, điều tra làm rõ hành vi có dấu hiệu tội phạm của Nguyễn Văn C theo quy định của pháp luật.

+ Về đường lối giải quyết:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị L.

- Về con C: Giao cháu Nguyễn Thị Ánh N và cháu Nguyễn Trường G cho anh C nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L về việc cấp dưỡng tiền nuôi con C của anh C đến khi các con C thành niên. Chị L, anh C có quyền đi lại thăm nom con C, không ai được ngăn cản.

- Về án phí: Chị L phải chi án phí DSST và án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị L, anh C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật và có đăng ký kết hôn tại UBND

xã Bắc Sơn vào ngày 10/02/2009. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị L, anh C là hợp pháp. Nay chị L có đơn xin ly hôn sẽ được áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết theo thủ tục C. Anh C đang cư trú tại A KH, B S, Ân Thi nên việc giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Ân Thi, theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Xét mâu thuẫn vợ chồng: Chị L xác định năm 2016 vợ chồng mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng thay đổi cách sống, cách nghĩ, anh C mãi chơi, không quan tâm đến vợ con, hơn nữa vì chị như bị ma nhập tới đến anh C khóa cửa không cho chị ra ngoài, vì vậy vợ chồng cãi nhau, chị bỏ đi từ năm 2018 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống C không thể kéo dài nên chị đề nghị Tòa giải quyết cho chị được ly hôn anh C. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ anh C đến trụ sở Tòa án để tiến hành phân tích hòa giải để anh chị về đoàn tụ nuôi dạy con C. Tuy nhiên, anh C biết nhưng anh đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể hoà giải đoàn tụ vợ chồng cho anh chị được. Tuy nhiên, lấy lời khai của anh C, anh C cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống C không thể kéo dài nên anh đồng ý ly hôn, xét hôn nhân của chị L, anh C nhận thấy anh C, chị L đã ly thân nhau từ năm 2018, tình cảm vợ chồng không còn, bởi vậy căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 hôn nhân giữa chị L, anh C đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, anh C, chị L không còn thương yêu, quý trọng nhau nữa vì vậy HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L là phù hợp với pháp luật và thực tế vợ chồng.

[3] Về con C: Anh C, chị L có 02 con C là Nguyễn Thị Ánh N, sinh năm 2010; Nguyễn Trường G, sinh năm 2012. Nay ly hôn anh C có nguyện vọng được nuôi con C, chị L đồng ý. Xét nguyện vọng của anh C là phù hợp với thực tế vì hiện nay con C đang ở với anh C, cháu N, cháu Trường G cũng có nguyện vọng ở với anh C, anh C có công việc làm thợ hàn nên để tránh việc xáo trộn trong học tập, sinh hoạt của các cháu và sự tự nguyện của anh C, chị L là phù hợp pháp luật nên HĐXX xét thấy giao con C của anh chị cho anh C tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên là đảm bảo mọi mặt cho con C. Về cấp dưỡng anh C không yêu cầu chị L cấp dưỡng nhưng chị L tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con C cho anh C mỗi cháu là 1.000.000 đồng/ tháng kể từ tháng 06/2021 cho đến khi các cháu thành niên là tự nguyện nên HĐXX chấp nhận.

[4] Về tài sản C, công sức, công nợ: Anh C, chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;
- Khoản 1, 3 Điều 228; điều 238 khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn C

2- Về con C: Giao cháu Nguyễn Thị Ánh N, sinh năm 2010 và Nguyễn Trường G, sinh năm 2012 cho anh C tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con C cho anh C mỗi cháu là 1.000.000 đồng/ tháng kể từ tháng 06/2021 cho đến khi các cháu thành niên . Chị L có quyền đi lại thăm nom con C, không ai được ngăn cản.

Áp dụng khoản 1 Điều 357 Bộ luật dân sự

Kể từ ngày anh C có đơn yêu cầu thi hành án nếu chị L không thi hành khoản tiền cấp dưỡng trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

3- Về tài sản C, công sức, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4 - Về án phí : Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu số 0000808 ngày 19 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ân Thi. Ngoài ra chị L còn phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

5- Quyền kháng cáo: Chị L, anh C có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Trở lời hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng GDKT và THA tỉnh;
- VKSND + THADS huyện;
- Đương sự;
- UBND xã Bắc Sơn - Ân Thi;
- Lưu HS

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đồng Dục

